もしものときは…
In case something happens...
当危险发生时…
만약의 경우에는 …
Nếu có chuyện gì xảy ra

浪速区 私たちの 防災マップ

Naniwa-ku Our Disaster Prevention Map
浪速区 我们的防灾地图
우리 나니와구의 방재 지도
Bản đồ phòng chống thiên tai thành phố Naniwa

発行：浪速区役所　令和６年版

災害時連絡先 Who to contact in the event of a disaster
災害发生时的联系方式 / 재해 발생시 연락처

分野	TEL	備考
火事・救急 Fire and emergency / 火灾、急救 / 화재 구급 Hỏa hoạn/Cấp cứu	119 番	
浪速消防署 Naniwa Fire Department / 浪速消防署 / 나니와 소방서 Trạm cứu hỏa Naniwa	06-6641-0119	
警察 Police / 警察 / 경찰 / Cảnh sát	110 番	
浪速警察署 Naniwa Police Station / 浪速警察署 / 나니와 경찰서 Đồn cảnh sát Naniwa	06-6633-1234	
ガス Gas / 燃气 / 가스	0120-019-424	ガスもれ通報専用電話
電気 Power / 电 / 전기	0800-777-3081	関西電力送配電
水道 Water / 自来水 / 수도	06-6927-8774	【道路部分及び宅地内の漏水修繕】 水道局東部水道工事センター
	06-6458-1132	【その他】お客さまセンター
ごみ Garbage / 垃圾 / 쓰레기	06-6567-0750	環境局中部環境事業センター出張所
建設局津守工営所（道路・下水道） Tsumori Public Works Construction Bureau (Roads/Sewage lines) 建设局津守工营所（道路、下水道） 건설국 츠모리 공영소(도로, 지하수)	06-6567-6495	
	06-6947-7981	【夜間・休日】宿日直センター
浪速区役所 Naniwa Ward Office / 浪速区政府 / 나니와 구청	06-6647-9734	
浪速区保健福祉センター Naniwa-ku Health and Welfare Center 浪速区保健福祉中心 나니와 보건복지 센터	06-6647-9882	
電話の故障 Telephone failure / 电话故障 / 전화 고장	113	ＮＴＴ西日本一関西
災害用伝言ダイヤル Emergency Voice Message Board Dial Number for Disaster Emergencies 灾害留言电话 / 재난 긴급 번호	171	ＮＴＴ西日本一関西

※災害用伝言ダイヤル（171）は、地震、噴火などの災害の発生により、被災地への通信が増加しつながりにくい状況になった場合に提供が開始されます。携帯電話・PHS や一部の IP 電話からもご利用いただけます。
※ The Emergency Voice Message Board Dial Number for Disasters (171) is provided when a disaster such as an earthquake or volcanic eruption occurs, and is required when communications to the disaster-stricken area increases and it is difficult to get through. This service can be used from mobile phones, PHS's and some IP phones.
※ 因发生地震、火山喷发等灾害，灾区通信量增加而难以联系上时，开始提供灾害留言电话（171）服务，也可用手机、PHS、以及部分 IP 电话拨打。
※ 재난 긴급 번호(171)은 지진, 화산 등의 재해 발생시 재해지역의 통신량의 증가로 인하여 통신 장애가 일어날 경우에 제공됩니다. 휴대전화, PHS 또는 IP 전화에서도 이용이 가능합니다.

令和3(2021)年1月現在

緊急避難メモ Notes about Emergency Evacuation
紧急避难备忘录 / 긴급 피난 카드

避難する場所 Evacuation place 避难场所 대피소	一時避難場所 Temporary safety area 临时避难场所 / 일시 대피소	
	災害時避難所 Designated Disaster Evacuation Site 灾害时的避难所 / 재해시 피난소	
	広域避難場所 Designated safety area 广域避难场所 / 광역 대피소	
	津波避難場所 Tsunami evacuation area 海啸避难场所 / 해일 대피소	
家族が離ればなれになったとき When your family has become separated 当家人走散时 가족과 떨어질 경우	落ち合う場所 The place you meet 相聚场所 / 만날 장소	
	連絡先 Contact 联系方式 / 연락처	TEL

地震に備える Preparing for an earthquake / 防范地震 / 지진에 대비하십시오 / Chuẩn bị động đất

家庭で備える Preparing at home for an earthquake / 在家中防范 / 집안에서의 대비 / Chuẩn bị tại nhà

建物が無事でも家具が転倒すると、その下敷きになってケガをします。阪神・淡路大震災でケガをした人の約５割が家具の転倒によるものでした。家庭での被害を防ぐためにも、転倒・落下防止対策を実践しておきましょう。

Even if your building survives the earthquake, furniture falling over on you will result in injury. About 50% of the people who were injured in the Great Hanshin Awaji earthquake was due to injuries from furniture falling over. To prevent injury at home, make preparations to prevent furniture falling over and other items from falling.
即使建筑物无恙，但如果家具倒塌，被压在下面也会受伤。在阪神淡路大地震中，大约 50% 的伤员是因家具倒塌造成的。为了防止在家里遭受伤害，请落实如何防止跌倒和落下的方法。
건물이 무너지지 않아도 가구에 깔려 다칠 수 있습니다. 한신 이와지 대지진에서 피해자 약 50%가 가구가 쓰러지면서 다칩니다. 가정에서의 피해를 방지하기 위해 쓰러짐, 낙하 방지 대책을 실천합시다.
Ngay cả khi tòa nhà an toàn, nếu đồ đạc bị đổ vỡ rơi xuống, bạn có thể bị mắc kẹt bên dưới tòa nhà và bị thương. Khoảng 50% thiệt hại từ trận động đất lớn Hanshin-Awaji là do đồ đạc rơi xuống. Hãy thực hiện các biện pháp phòng chống đổ vỡ, rơi xuống để ngăn ngừa thương tích trong ngôi nhà của bạn.

家具の転倒・落下を防止しましょう
Please prevent furniture and other items from falling over.
请防止家具跌倒和落下。 / 가구의 쓰러짐과 낙하를 방지합시다. / Ngăn ngừa đồ đạc trong nhà bị rơi hoặc đổ vỡ

家の中の安全対策
Safety measures at home
家中的安全对策
집안의 안전 대책
Các biện pháp an toàn trong nhà

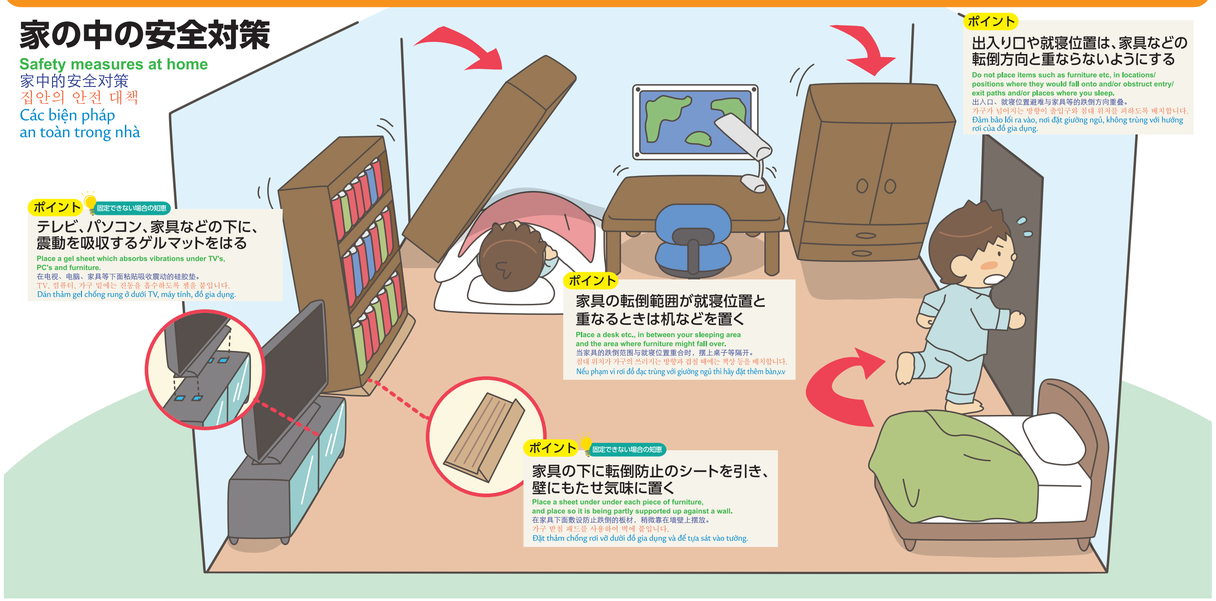

ポイント! 家族との連絡方法、集合場所を決めておきましょう
Determine a method for making contact with family methods as well as a way of meeting them.
请预先确定好与家人的联系方法、集合方法。 / 가족과의 연락 방법, 만날 장소를 미리 정해둡니다.
Hãy quyết định cách liên lạc với gia đình và nơi tập trung.

災害時最も心配になるのは家族の安否です
複数の手段で連絡の取れる確率を高めておきましょう

- The most significant worry in times of disaster is the safety of family members. Please raise the chances of making contact by having multiple ways of contacting each other.
- 发生灾害时，最担心的是家人的安全。预先多准备几种手段，提高联系成功的概率。
- 재난시 가장 걱정되는 것은 가족의 안전입니다. 다양한 연락 방법으로 연락이 될 수 있는 확률을 높입시다.
- Khi xảy ra thảm hoạ, điều lo lắng nhất là xác nhận an toàn của gia đình. Có nhiều phương thức liên lạc sẽ tăng khả năng kết nối.

左下の緊急避難メモに書いておくと便利です！

ポイント1 災害伝言ダイヤル「171」を使う
- Use the Emergency Voice Message Board Dial Number (171) for Disasters.
- 使用灾害留言电话“171”。
- 재난 긴급 번호 「171」을 사용합니다.
- Sử dụng đường dây nóng thông báo thảm họa '171'

ポイント2 携帯電話の「災害用伝言板」を使う
- Use the mobile phone "Message Board for Disasters".
- 使用手机的“灾害留言”。
- 휴대전화의 '재난용 게시판'을 사용합니다.
- Sử dụng 'Bảng thông báo khi xảy ra thiên tai' trên điện thoại di động.

ポイント3 災害時の集合場所（複数）を決めておく
- Decide on a place (several) to meet family members in case of a disaster.
- 预先确定发生灾害时的集合场地（多个）。
- 재난시 여러 집합장소를 정해둡니다.
- Quyết định địa điểm tập trung(nhiều địa điểm) trong trường hợp xảy ra thảm họa.

地域で備える Preparing for a disaster in the community / 在居住地区做好防范 / 지역에서의 대비

日ごろから隣近所でコミュニケーションを図ることが、安心なまちづくりの基本です。あなたの持ってる力を活かし、助け合いで被害が最小限になるよう努めましょう。

Communicating with neighbors on a daily basis is the foundation of building a safe community. Using capabilities that you have, work hard to minimize damage by lending a helping hand.
日常与近邻沟通是建设放心城市的根本。请发挥您的力量，相互帮助，将灾害损失控制在最小限度。
평상시 이웃과의 교류는 안전한 마을 만들기의 기본입니다. 당신과 이웃이 서로 힘을 합쳐 피해를 줄이도록 노력합시다.

地域の防災活動に参加しましょう
Participate in disaster prevention activities in your area.
参加当地的防灾活动。 / 지역의 방재 활동에 참가합시다.

● 町会に加入しましょう ～いざという時に助け合える関係づくりのために～

- Join your Neighborhood Association ~Building Relationships to Help One Another in Emergencies~
- 加入社区协会吧～为了建立互相帮助的关系，以备不时之需～
- 지역모임에 참여합시다.~긴급 상황 시 도움을 주고 받을 수 있는 관계 구축을 위해~

町会・自治会加入は災害時の備えです。日ごろからいざというときにご近所で助け合える関係を築いておきましょう。右側の二次元コードから簡単に町会への加入申込みができます！

Joining the neighborhood association/local community is one way to prepare for disasters. Build relationships with the people in your neighborhood so we can help one another during emergencies. Use the QR-code on the right to join the neighborhood association!
加入社区协会是应对灾害的准备。平时就要建立起邻里之间能够互相帮助的关系，扫描右侧的二维码，轻松申请加入社区协会！
이웃과 모는 재난과 가입은 예방 시 준비를 위한 것입니다. 평소에 만일의 경우에 대비해 이웃들과 서로 도울 수 있는 관계를 구축해 둡시다.
우측 2차원 코드에서 간단하게 지역회 가입 신청이 가능합니다.

● 防災マップを活用したり、実際にまちを歩いて、危険個所や避難ルートを確認しましょう

- Using the disaster prevention map, get out an actually walk through the city and confirm the evacuation routes and dangerous locations.
- 请活用防灾地图，亲自在城市转一转，确认危险部位、避难路线。
- 방재 지도를 활용하거나, 직접 위험 장소나 피난 경로를 확인해둡시다.

地図上で災害に対する地域の「強み」と「弱み」を見つけ、実際に確認することも大切なことです。

It is also important to actually locate and confirm on the map which areas are "strong" and "weak" in relation to disasters.
在地图上找出防灾的“有利”和“不利”地区，亲自确认也很重要。
지도에서 지역의 '에너 위험 지역'과 '에너 안전 지역'을 찾아 실제로 확인해 보는 것도 중요합니다.

● 日ごろから防災について情報収集をおこない、災害に備えましょう

- Prepare for disasters by gathering information about disaster prevention on a daily basis.
- 日常生活中收集防灾信息，防灾减灾。
- 평상시에 방재에 대한 정보 수집을 하고 재난에 대비합시다.

大阪市では、『市民防災マニュアル』などの様々な防災情報を提供しております。

検索サイトで 大阪市 市民防災マニュアル 検索

The city of Osaka provides various kinds of information on disaster prevention such as the "Disaster Prevention Manual" for its citizens.
大阪市提供《市民防灾手册》等各种各样的防灾信息。
오사카시에서는 '시민 방재 매뉴얼' 등 다양한 방재 정보를 제공하고 있습니다.

● 防災訓練や防災イベントに参加しましょう

- Participate in disaster drills and disaster prevention events.
- 请参加防灾训练、防灾活动。
- 방재 훈련이나 방재 활동에 참가합시다.

浪速区役所市民協働課（06-6647-9734）までお問い合わせください。
スケジュールや内容などについては、区広報紙及びホームページをご覧ください。

Please contact the Citizen Participation Section of the Naniwa Ward Office (06-6647-9734). Please check the ward's public relations magazine and their website regarding schedules and their information.
请咨询浪速区役所市民协助课(06-6647-9734)。有关日程、内容等信息，请浏览区宣传报刊以及主页。
나니와 구청 시민협동과(06-6647-9734)로 문의해 주십시오. 스케줄이나 내용 등에 대해서는 나니와구 홍보지및 홈페이지를 참고해 주십시오.

緊急地震速報を活用して身を守る
Protect yourself by using Earthquake Early Warning Information
利用紧急地震速报，保护人身安全 / 긴급 지진 속보를 활용하여 몸을 지키십시오

最大震度5弱以上が予測された場合、テレビやラジオ、携帯電話を通じて緊急地震速報が発表されます

- When a large earthquake greater than magnitude 5 (weak) on the Japanese scale is expected, earthquake early warning information is disseminated via television, radio and mobile phone networks.
- 当预测到最大震度5以上的地震时，会通过电视、电台、手机发布紧急地震速报。
- 최대 진도 5 이상의 지진이 예측될 경우, TV, 라디오, 휴대전화를 통해 긴급 지진 속보가 발표됩니다.

地震だ! 身の安全を確保しましょう

Earthquake! Secure your own safety.
地震！请确保人身安全。 / 지진입니다! 몸을 안전하게 하십시오.
Động đất! Hãy đảm bảo sự an toàn của bạn

地震発生から1～2分
1~2 minutes after the earthquake
发生地震后的1~2分钟 / 지진 발생으로부터 1～2분
1 đến 2 phút sau khi xảy ra động đất

地震発生 00:00 ▶ 1～2分 00:02

- まず身の安全を確保する
  - Secure your own safety.
  - 首先确保人身安全。 • 먼저 몸을 안전하게 합니다.
  - Hãy đảm bảo an toàn cho bản thân trước tiên.
- 揺れがおさまれば、火元を確認する
  - Confirm any source of fire outbreak after shaking has subsided.
  - 震动停止后，确认火源。 • 흔들림이 안정되면 화재 장소를 확인합니다.
  - Sau khi hết rung lắc, hãy kiểm tra nguồn lửa

こんな場所にいた場合
If you were in an area such as ...
当您在这样的场所时 / 이런 장소에 있는 경우
Nếu bạn đang ở một nơi như thế này

集合住宅
Multi-family housing complex / 集合住宅 / 집합주택 / Nhà chung cư
ドアや窓を開け逃げ道を確保し、エレベーターは使わない。
- Secure a path of escape such as opening a door or window, do not use an elevator.
- 请打开房门、窗户，确保逃跑道路，不要使用电梯。
- 문이나 창문을 열어서 출구를 확보하고, 엘리베이터는 사용하지 않습니다.
- Mở cửa ra vào, cửa sổ, để đảm bảo lối thoát hiểm, không sử dụng thang máy.

繁華街やビル街
Downtown and office buildings / 繁华街、高楼林立街 / 번화가나 빌딩가 Khu trung tâm, khu dân cư
建物や壁、電柱などから離れる。落下物に注意する。
- Stay away from buildings, walls, power poles and so on. Be careful of falling debris.
- 远离建筑物、墙壁、电杆等。小心坠物。
- 건물이나 벽, 가로등으로부터 거리를 둡니다. 낙하물에 주의합니다.
- Tránh xa các tòa nhà, tường và cột điện thoại. Cẩn thận với các vật rơi xuống.

スーパーやデパート
Supermarkets and department stores / 超市、百货店 / 슈퍼나 백화점 Siêu thị và cửa hàng bách hóa
手荷物やカゴで頭を守る。商品の落下、ガラスの破片に注意する。
- Protect your head with a hand bag and/or basket. Be careful of falling merchandise and/or broken glass fragments.
- 用手提行李或者购物篮保护头部。小心商品落下、玻璃碎片。
- 가지고 있는 물이나 바구니 등으로 머리를 지킵니다. 상품의 낙하, 유리 파편에 주의합니다.
- Sử dụng túi xách tay hoặc giỏ để bảo vệ đầu. Hãy cẩn thận với đồ vật rơi và kính vỡ.

地下街
Underground malls / 地下街 / 지하도 / Trung tâm mua sắm dưới lòng đất
約60mおきに出口があるので、慌てずに行動する。
- Exits are installed every 60m, proceed to the exit without panic.
- 每隔60m左右就有一个出口，沉着行动。
- 약 60m 간격으로 출구가 있으므로 당황하지 마십시오.
- Các lối ra cách nhau khoảng 60m, vì vậy đừng hoảng sợ.

エレベーターの中
In elevators / 电梯中 / 엘리베이터 안 / Trong thang máy
すべての階のボタンを押し、最初に停止した階で降りる。
- Press the button for all floors, and get out when the elevator makes its first stop.
- 按下所有楼层的按钮，电梯一停立即下来。 • 모든 층의 버튼을 누르고 가장 먼저 정지한 층에서 내립니다.
- Nhấn nút dừng ở tất cả các tầng và xuống ở tầng đã dừng đầu tiên.

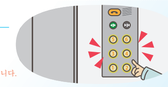

地震発生から3～10分
3~10 minutes after the earthquake
发生地震后的3~10分钟 / 지진 발생으로부터 3～10분
3 đến 10 phút sau khi xảy ra động đất

3分～ 00:03 ▶ 10分 00:10

- 家族の安否を確認する
  - Confirm the safety of your family.
  - 确认家人的安全。 • 가족의 안위를 확인합니다.
  - Kiểm tra an toàn của gia đình.
- 隣近所に声をかけ、安否を確認する
  - Make contact with your neighbors to confirm their safety.
  - 向近邻打招呼，确认是否安全。 • 이웃과 안전하게 안위를 확인합니다.
  - Liên hệ với hàng xóm và kiểm tra an toàn của họ.

注意 Caution / 注意 / 주의 / Chú ý

- ●地震の情報と並行して津波警報や大津波警報の情報も得る。
- ●大津波警報が出たら近隣の津波避難ビルなどへ避難する。
- ●その際は、水平移動よりも垂直移動で「遠く」より「高く」を優先する。
- ●また、避難の際は、車を使わない。
- ●Try to also get information on tsunami warnings and major tsunami warnings along with earthquake information.
- ●If there is major tsunami warning, take shelter at the nearest tsunami evacuation building etc.
- ●In such a case, prioritize moving "higher" vertically, rather than moving faster in a "horizontal" direction.
- ●Also, do not use a car when seeking shelter.
- ●关注地震信息的同时也关注海啸警报、大海啸警报信息。
- ●发出大海啸警报后，到附近的海啸避难大楼等避难。
- ●此时，优先采取的不是水平移动，而是垂直移动，比“远”更重要的是“高”。
- ●另外，避难时不要使用汽车。
- ●지진 정보와 함께 해일 정보나 대해일 정보 관련 정보도 알아둡니다.
- ●대해일 정보가 발령되면 근처의 해일 피난 건물로 대피합니다.
- ●그 때는, 먼 곳보다는 높은 곳으로 우선 대피합니다.
- ●또, 피난 시에는 자동차를 사용하지 마십시오.
- ●Ngoài thông tin động đất, hãy theo dõi cả thông tin cảnh báo sóng thần.
- ●Nếu có cảnh báo về siêu sóng thần, hãy sơ tán đến toà nhà sơ tán khi có sóng thần ở gần đó.
- ●Trong trường hợp đó, hãy ưu tiên di chuyển dọc hơn di chuyển ngang, ưu tiên chỗ cao hơn chỗ xa.
- ●Ngoài ra, không sử dụng ô tô khi sơ tán.

地震発生から10分～数時間
10 minutes to a couple hours after the earthquake
地震发生后10分钟~几小时 / 지진 발생으로부터 10분~수 시간 후

10分～ 00:10 ▶ 数時間 03:00

- 余震に注意する
  - Be careful of aftershocks.
  - 小心余震。 • 여진에 주의합니다.
- 隣近所と協力して、初期消火や救出・救護をする
  - Work with your neighbors to provide initial fire fighting, rescue and relief.
  - 与近邻相互协助，开展初期灭火、救助和救护。
  - 이웃과 협력해서 초기 진화와 구출, 구호 활동을 합니다.

～3日ぐらい～避難生活
～up to 3 days～living in shelters
～3天左右～避难生活 / ~3일 정도~피난생활

3日後

- 家屋倒壊の危険性があれば、避難所に行く
  - If there is a risk of your home collapsing, go to an evacuation area.
  - 如有住房倒塌的危险，到避难所去。 • 가옥 붕괴의 위험성이 느껴질 경우 대피소로 이동합니다.
- 備蓄品を持ち寄り、皆で助け合う
  - Bring essentials and help/support each other.
  - 把各自带来的备用品集在一起，大家相互帮助。 • 각자가 비축품을 가지고 와 서로 돕습니다.
- 集団生活ではルールを守り、協力し合う
  - Respect the rules of co-habitating with the group, and help each other out.
  - 在集体生活中遵守规则，相互协助。 • 집단 생활에서는 규칙을 지키고 서로 협력합니다.